

Số: 231/2024/QĐST-HNGĐ

Chiêm Hóa, ngày 21 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 206/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng A, chi nhánh huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Tổ VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

+ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Tổ VT, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 37; Quên số: 02 ngày 19/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 08/02/2003 hiện đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực hành vi, có đủ khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 23/3/2014. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Q là 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thành Q đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T tiếp tục thực hiện Hợp đồng vay vốn tại sổ vay vốn giữa người vay Nguyễn Thị T và người cho vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Chiêm Hóa số tiền vay nợ gốc là 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*), lãi suất 6,6%/năm vay theo chương trình hộ nghèo, thời hạn vay từ ngày 10/12/2023 đến ngày 10/12/2028. Chị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay nợ gốc 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*) kèm theo lãi suất phát sinh của Hợp đồng vay vốn đã ký kết giữa chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Chiêm Hóa. Hạn trả nợ là ngày 10/12/2028.

Anh Nguyễn Văn N tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 8104LAV2024 00778 ngày 13/3/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân: 8104LDS2024 01919, Hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2024 của chị Nguyễn Thị Thu H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N; số tiền vay nợ gốc là 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn cuối cùng trả khoản vay vào ngày 13/3/2025. Anh N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay nợ 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) kèm theo lãi suất phát sinh của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa anh Nguyễn Văn N và Ngân hàng A, chi nhánh huyện Chiêm Hóa. Hạn trả nợ là ngày 13/3/2025.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định là 150.000^d (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001560324 ngày 30/7/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000585 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định. Anh Nguyễn Văn N không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã TA (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh